UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
HUỲNH THÚC KHÁNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Toán – Lớp 6
Thời gian làm bài: 90 phút *(Không kể thời gian giao đề)*
Đề có 02 trang
Học sinh làm bài trên giấy của học sinh

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Em hãy chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:

Câu 1. Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số $\frac{-7}{3}$

A. $\frac{7}{3}$ **B.** $\frac{21}{-9}$ **C.** $\frac{-14}{9}$ **D.** $\frac{21}{9}$

Câu 2. Trong các cách viết sau, cách viết nào **không phải** là phân số?

A. $\frac{1}{7}$ **B.** $\frac{0}{-7}$ **C.** 10 **D.** $\frac{2,3}{4}$

Câu 3. Làm tròn số thập phân 234,567 đến hàng phần mười ta được:

A. 234,6 **B.** 234,5 **C.** 235 **D.** 230

Câu 4. $\frac{2}{3}$ giờ là bao nhiêu phút?

A. 20 phút **B.** 30 phút **C.** 35 phút **D.** 40 phút

Câu 5. Cho hình vẽ sau. Chọn khẳng định SAI.

A. Điểm N nằm giữa hai điểm M và P

B. Điểm M và P nằm cùng phía đối với điểm N

C. Điểm N và I nằm cùng phía đối với điểm M

D. NP + PI = NI

Câu 6. Các tia đối nhau có trong hình vẽ dưới đây là:

A. Tia Ex và tia Fy **B.** Tia Ey và tia Fx

C. Tia Ex và tia Ey, tia Fx và tia Fy **D.** Tia EF và tia Ey

Câu 7. Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu:

A. M nằm giữa hai điểm A và B **B.** MA = MB

C. MA + MB = AB **D.** MA = MB = $\frac{AB}{2}$

Câu 8. Cho góc xAy có số đo là 80^0. Khi đó góc xAy là:

A. Góc nhọn **B.** Góc vuông **C.** Góc tù **D.** Góc bẹt

Câu 9. Hình vẽ sau có bao nhiêu góc đỉnh A?

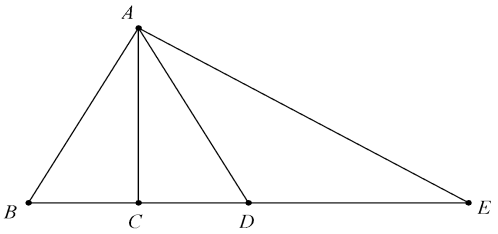

A. 3 góc **B.** 4 góc **C.** 5 góc **D.** 6 góc

Câu 10. Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là số liệu?

A. Nơi sinh của các bạn học sinh lớp 6A.

B. Điểm bài kiểm tra cuối kì 2 môn Toán của các bạn học sinh lớp 6A.

C. Các món ăn mà các bạn học sinh lớp 6A yêu thích.

D. Tên các môn học trong chương trình lớp 6.

Câu 11. Hãy tìm dữ liệu **không hợp lí** trong dãy dữ liệu sau:

Số ngày của các tháng trong một năm: 32; 31; 30; 29; 28.

A. 32. **B.** 31. **C.** 30. **D.** 28.

Câu 12. Biểu đồ tranh dưới đây biểu diễn số chiếc mũ bán được của một cửa hàng trong bốn tháng đầu năm 2025. Số lượng mũ cửa hàng bán được trong bốn tháng là:

A. 130 chiếc **C.** 140 chiếc

B. 260 chiếc **D.** 280 chiếc

Tháng 1	
Tháng 2	
Tháng 3	
Tháng 4	

(Mỗi ứng với 20 chiếc mũ)

Phần II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: **(1,5 điểm)** Thực hiện các phép tính (tính hợp lí nếu có thể):

a) $\frac{3}{10}+\frac{-7}{10};$ **b)** $(-2,5).17+(-2,5).3+71,6;$ **c)** $\frac{7}{20}+\left(75\%:\frac{9}{20}-\frac{7}{20}\right).$

Câu 2: **(1,25 điểm)** Tìm x, biết:

a) 2,5.x = –10 **b)** $\frac{3}{4}-\frac{1}{4}:x=-\frac{5}{4}$

Câu 3: **(1,0 điểm)** Học kì I, lớp 6A có 30 bạn học sinh xếp loại học lực Tốt, chiếm $\frac{2}{3}$ số học sinh cả lớp.

a) Tính số học sinh của lớp 6A.

b) Sang học kì II, lớp 6A có thêm 6 bạn đạt học lực Tốt. Tính tỉ số phần trăm số học sinh đạt học lực Tốt của lớp 6A trong học kì II so với cả lớp, biết tổng số học sinh của lớp không đổi.

Câu 4: **(1,25 điểm)** Cho dãy số liệu về chiều cao (theo đơn vị centimet) của 30 học sinh lớp 6 như sau:

150	151	150	150	149	150	149	149	150	155
151	150	151	149	152	149	152	150	152	152
151	150	150	150	151	155	152	151	155	149

a) Lập bảng thống kê biểu diễn số lượng học sinh theo chiều cao.

b) Vẽ biểu đồ cột cho bảng thống kê ở câu a.

Câu 5: **(2,0 điểm)**

Cho đoạn thẳng ON = 4cm. Trên tia ON, lấy điểm M sao cho OM = 3cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng MN.

b) Gọi I là trung điểm đoạn thẳng ON. Điểm M có phải là trung điểm của đoạn thẳng IN không? Vì sao?

-Hết-